

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-PT.

Ngày: 06-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Khánh Hùng.

2. Ông Phạm Hùng Nuôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/TLPT-HS ngày 27/02/2018 đối với bị cáo Trần Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST, ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Đ (Tên gọi khác là **N**), sinh năm 1985, tại Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số 73/26 Xóm R (nay là hẻm 73 đường PL), k3, p2, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Số 31/11, DMQ, k8, p3, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1959; Có vợ và 01 người con; Tiền sự: ngày 29/7/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng ban hành quyết định số 427/QĐHC- UBND áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời gian 24 tháng kể từ ngày người có Quyết định này chấp hành Quyết định tại cơ sở chữa bệnh. Ngày 09/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng ban hành Quyết định số 11/QĐ-TA ngày 09/3/2017 miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/9/2017; (có mặt)

Những người liên quan đến kháng cáo:

- Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn dân sự ông Nguyễn Văn P và Mã Thị Kiều O: Ông Trần Thuận Đ1, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Số 552, MĐC,

P9, TPST, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số 86 đường C, P4, TP. ST, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Những người bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L1 (có tên gọi khác là L1), sinh năm 1976; (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số 19A, NVL, K 6, P2, TPST, tỉnh Sóc Trăng;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trương Thị B, sinh năm 1950; Nơi cư trú: số 15 NVL, k6, p2, TPST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đ (N), là người không có nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Đ nảy sinh ý định lừa đảo người khác để chiếm đoạt tài sản.

Do đó, vào khoảng 13 giờ ngày 18-6-2017, Đ điện thoại cho anh Hứa Thanh T là người lái xe taxi, đến Số 19 đường Dương Minh Quan, Khóm 8, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để chở Đ đến đầu đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 6, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để tìm người mua nhà phé liệu. Khi đến nơi, Đ vào nhà Số 19A đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 6, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng gặp vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị L1 thì Đ nói dối với vợ chồng anh S là có căn nhà ở Số 1149 đường Quốc lộ I, khóm Tâm Trung, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là của Đ và Đ cần bán phé liệu gấp để lấy mặt bằng, thì vợ chồng anh S đồng ý mua nên đi cùng với Đ để xem nhà. Sau khi xem nhà xong hai bên thỏa thuận thống nhất với nhau và vợ chồng anh S mua căn nhà này của Đ với giá 3.000.000đ và vợ chồng anh S đã giao đủ số tiền nói trên cho Đ. Sau đó vợ chồng anh Sa bán căn nhà này lại cho bà Trương Thị B chuyên làm nghề mua bán phé liệu với giá 8.000.000 đồng và bà B mượn nhân công đập, tháo dỡ lấy căn nhà này. Đến ngày 21-6-2017 thì chủ sở hữu căn nhà nói trên là của vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Mã Thị Kiều O phát hiện nhà của mình đã bị đập phá và tháo dỡ, nên đến công an Phường 10, thành phố Sóc Trăng trình báo sự việc. Trong quá trình làm việc với cơ quan Điều tra Trần Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 123/KL.ĐGTS, ngày 05-8-2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng kết luận: 01 căn nhà cấp 4, tỷ lệ còn của căn nhà là 40%, gồm:

+ Nhà trước: diện tích (4,7m x 9,8m), kết cấu khung cột bê tông cốt thép, nền gạch bông kích thước 20cm x 20cm, diện tích (4,7m x 5,8m), nền xi măng diện tích (4,7m x 4,0m), tường gạch 1 cm, đòn tay gỗ dầu, mái tol xi măng có 6 cửa: 01 cửa đi diện tích (1,1m x 2,0m) bằng gỗ, 01 cửa sổ diện tích (1,8m x 1,2m) bằng gỗ, 04 cửa sổ diện tích (0,9m x 1,2m) bằng gỗ có song sắt, đã bị mất trước đó.

- + Kết trước: diện tích (4,7m x 2,0m), đòn tay gỗ dầm, mái tol kim loại.
- + Nhà sau: diện tích (6,7m x 5,5m), kết cấu khung cột bê tông cốt thép, nền gạch bông kích thước 30cm x 30cm, tường gạch 10cm, đòn tay gỗ dầm, mái tol có 03 cửa: 01 cửa sổ diện tích (0,9m x 1,2m) bằng gỗ có song sắt, 01 cửa sau diện tích (1,06m x 2,12m) bằng tol, 01 cửa hông diện tích (0,81m x 2,12m) bằng tol, đã bị mất trước đó.
- + Hồ nước: diện tích (1,75m x 3,1m) cao 2,0m, xây gạch tường 10cm, không có nắp đậy.
- + Nhà vệ sinh: diện tích (1,75m x 2,6m) cao 2,3m, tường gạch, nền gạch men.
- + Mái che sau: diện tích (6,7m x 3,2m), cột bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dầm, mái tol.
- + Hai khung sắt lưới B40 diện tích (1,8m x 2,2m).

Tổng tài sản có giá trị là 153.148.594đ (*Một trăm năm mươi ba triệu một trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng*).

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 174/KL.ĐGTS, ngày 10-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng kết luận: 25 tấm tole xi măng đã qua sử dụng, với số tiền là $25 \times 12.000đ = 300.000đ$; 13 cây đòn tay gỗ dầm 4x6, dài 4,7m, đã sử dụng, với số tiền là $13 \times (0,04 \times 0,06)m \times 4,7m \times 4.000.000đ = 600.000đ$; 03 xe đẩy biton, với số tiền là $03 \times 200.000đ = 600.000đ$. Tổng giá trị là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST, ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tuyên xử như sau:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đ (N) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Trần Đ (N) 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án;

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Đ (N) bồi thường cho ông Nguyễn Văn P (U) và bà Mã Thị Kiều O là các nguyên đơn dân sự số tiền 148.648.594đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng*).

Buộc bà Trương Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) để trả cho ông Nguyễn Văn P (U) và bà Mã Thị Kiều O là các nguyên đơn dân sự.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/01/2018, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

- Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo

- Vị Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù do tại tòa ông Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với kháng cáo xin giảm mức bồi thường, tại tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 148.648.594đ và không yêu cầu bà Trương Thị B trả cho các nguyên đơn dân sự số tiền 3.000.000đ. Tổng cộng 153.148.594đ. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự theo hướng không giải quyết phần trách nhiệm dân sự do nguyên đơn dân sự không yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng vào 31/01/2018 theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì việc kháng cáo của bị cáo là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 18-6-2017, sau khi bị cáo nảy sinh ý định bán xác căn nhà số 1149 đường Quốc lộ I, khóm Tâm Trung, phường 10, thành phố Sóc Trăng (gọi tắt là căn nhà) không phải do mình làm chủ sở hữu để lấy tiền tiêu xài, khi đi tìm người mua thì gặp vợ chồng anh Nguyễn Văn S - chị Nguyễn Thị L1 bị cáo nói là có căn nhà là của bị cáo gia đình cần bán phứt liệu gấp để lấy mặt bằng bàn giao cho người khác, thì vợ chồng anh S đồng ý mua với giá 3.000.000đ và vợ chồng anh S đã đưa tiền đủ cho bị cáo. Sau khi có được tiền bị cáo đã tiêu xài cá nhân, còn căn nhà được vợ chồng anh S – chị L1 bán lại cho bà B. Đến ngày 21/6/2017 thì chủ sở hữu hợp pháp căn nhà là vợ chồng ông Nguyễn Văn P – bà Mã Thị Kiều O phát hiện nhà bị đập phá và tháo dỡ nên trình báo Công an, sau đó bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo

về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.000.000đ để bồi thường cho những người bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết nêu trên là chính xác, là phù hợp quy định pháp luật. Các lý do bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt như: bị cáo chưa có tiền án, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo thì xét thấy đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ cho bị cáo trong quá trình xem xét và quyết định hình phạt. Việc bị cáo cho rằng bị cáo chưa có tiền sự là không cơ sở vì bản thân bị cáo có 01 tiền sự: vào năm 2013 bị cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến 09/3/2017 bị cáo được miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại nên lần phạm tội này bị cáo chưa được xem là chưa bị xử lý hành chính.

Ngoài ra, bị cáo cho rằng bị cáo là lao động duy nhất, đang nuôi con còn nhỏ bị bệnh và nuôi mẹ già. Xét thấy, trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con cái và cha mẹ là của vợ bị cáo và các anh chị em của bị cáo chứ không là của riêng bị cáo. Đối với các lý do mà bị cáo đưa ra như là lao động chính, con còn nhỏ và bị bệnh sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 63 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì nguyên đơn dân sự chỉ có quyền đề nghị mức bồi thường thiệt hại. Do vậy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại tòa đề nghị giảm mức hình phạt cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng do người đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại tòa là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo xin giảm trách nhiệm dân sự của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn dân sự thay đổi không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần trách nhiệm dân sự mà án sơ thẩm tuyên:

“Buộc bị cáo Trần Đ (N) bồi thường cho ông Nguyễn Văn P (U) và bà Mã Thị Kiều O là các nguyên đơn dân sự số tiền 148.648.594đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng*).

Buộc bà Trương Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) để trả cho ông Nguyễn Văn P (U) và bà Mã Thị Kiều O là các nguyên đơn dân sự.”

Tổng cộng 153.148.594đ.

Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các nguyên đơn dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện này, sửa bản án sơ thẩm do các nguyên đơn dân sự không yêu cầu. Kháng cáo của bị cáo về phần trách nhiệm dân sự là có căn cứ chấp nhận.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên phần án phí sơ thẩm cũng được sửa lại cho phù hợp.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Đ (N).

Chấp nhận kháng cáo xin giảm phần trách nhiệm dân sự của bị cáo.

Sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đ (N) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Đ (N) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án;

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo Trần Đ (N) bồi thường cho ông Nguyễn Văn P (U) và bà Mã Thị Kiều O là các nguyên đơn dân sự số tiền 148.648.594đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng*) và không yêu cầu bà Trương Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) để trả cho ông Nguyễn Văn P (U) và bà Mã Thị Kiều O là các nguyên đơn dân sự.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo không phải chịu.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và dân sự phúc thẩm

Các quyết định khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND TP. Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Công an TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNVVTHA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga

